PHILIPS

Lighting

# LuxSpace Pro

## DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2

LuxSpace Pro, 13.3 W, 1950 lm, 4000 K, DALI

Philips LuxSpace Pro được xây dựng dựa trên danh tiếng của dòng sản phẩm LuxSpace về hiệu suất vượt trội, mức sử dụng năng lượng cực thấp, thư thái dễ chịu về thị giác và thiết kế kiểu dáng. Thế hệ đèn LED downlight đáng tin cậy tiếp theo này có thiết kế cực kỳ nhỏ gọn với kiến trúc âm trần, sâu, cùng độ sâu chóa phản xạ tăng lên để làm nổi bật những chi tiết nhỏ nhất. LuxSpace Pro cũng là một ví dụ điển hình về tính linh hoạt. Đây là loại đèn LED downlight tiết kiệm năng lượng có nhiều cấu hình đa dạng từ 450 đến 8.000 lumen, 3 inch đến 8 inch, trong đó khách hàng có thể lựa chọn một trong các biến thể: có độ sáng cố định, có thể điều chỉnh độ sáng hoặc Interact Ready. Nhờ đó, LuxSpace Pro là giải pháp "kết hợp" hoàn hảo cho các ứng dụng có khả năng mở rộng và đa dạng, đòi hỏi các môi trường chiếu sáng khác nhau, với một kiểu dáng và mẫu mã thống nhất.

### Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung | |
|---|---|
| **Loại nguồn sáng** | LED |
| **Thẻ dịch vụ** | Có |
| **Thang giá trị** | Thông số kỹ thuật |

| Thông tin kỹ thuật về đèn | |
|---|---|
| **Quang thông** | 1.950 lm |
| **Nhiệt độ màu (CCT)** | 4000 K |
| **Hiệu suất phát quang định mức** | 147 lm/W |
| **Chỉ số hoàn màu (CRI)** | 80 |
| **Màu sắc nguồn sáng** | 840 trắng trung tính |
| **Loại chóa quang học** | Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình |
| **Chỉ số đánh giá độ chói đồng nhất theo CEN (UGR)** | 24 |

| Vận hành và điện | |
|---|---|
| **Điện áp đầu vào** | 220-240 V |
| **Tần số lưới điện** | 50 or 60 Hz |
| **Dòng khởi động** | 16,5 A |
| **Thời gian khởi động** | 177 ms |
| **Công suất** | 13,3 W |
| **Hệ số công suất (dạng thập phân/phân số)** | 0.9 |
| **Số lượng sản phẩm trên MCB 16 A loại B** | 36 |
| **Cấp bảo vệ IEC** | Cấp an toàn II |

# LuxSpace Pro

| Điều khiển và điều chỉnh độ sáng | |
|---|---|
| **Có thể điều chỉnh độ sáng (Có hỗ trợ tăng/giảm sáng)** | Có |
| **Giao diện điều khiển** | DALI |
| **Độ mờ tối đa** | 1% |

| Cơ khí và vỏ đèn | |
|---|---|
| **Vật liệu vỏ đèn** | Hợp kim nhôm |
| **Vật liệu chụp quang học** | Polycarbonate |
| **Màu sắc vỏ thiết bị** | Trắng |
| **Lớp hoàn thiện chụp quang học** | Làm mờ |
| **Mã bảo vệ chống xâm nhập** | IP20 [Bảo vệ ngón tay] |
| **Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học** | IK03 [0,3 J] |
| **Kiểu chụp quang học** | Bộ khuếch tán polycarbonate |
| **Trọng lượng tịnh (Bộ)** | 1,160 kg |

| Phê duyệt và ứng dụng | |
|---|---|
| **Dấu CE** | Có |

| | |
|---|---|
| **Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh** | -20 °C đến 40 °C |

| Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC) | |
|---|---|
| **Dung sai quang thông** | +/-10% |
| **Dung sai mức tiêu thụ điện** | +/-10% |

| Dữ liệu sản phẩm | |
|---|---|
| **Tên sản phẩm đặt hàng** | DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2 |
| **Tên sản phẩm đầy đủ** | DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2 |
| **Mã đơn hàng** | 911401501144 |
| **Số vật liệu (12NC)** | 911401501144 |
| **Phần tử - Số lượng trên một bộ** | 1 |
| **Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài** | 1 |

## Bản vẽ kích thước

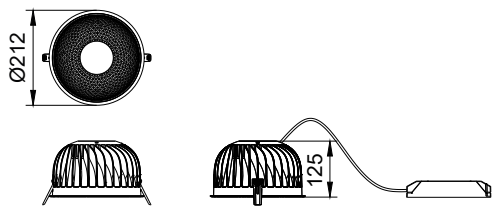


© 2024 Signify Holding Mọi quyền được bảo lưu. Signify không đưa ra bất kỳ tuyên bố hay bảo đảm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin nêu trong này và sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ hành động nào dựa vào những thông tin đó. Thông tin được trình bày trong tài liệu này không phải là sự chào mời bán hàng và không cấu thành một phần của bất kỳ báo giá hay hợp đồng nào, trừ khi được Signify đồng ý. Philips và Biểu tượng tấm khiên Philips là các thương hiệu đã đăng ký của Koninklijke Philips N.V.